TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51**/2023/HN-ST
Ngày: 15/5/2023.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam

2. Bà Lê Thị Thu Hồng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 03 năm 2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 189/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 05 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1986; (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Thành Hạ, xã Tân Trung, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc K, sinh năm 1979; (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre

Địa chỉ hiện tại: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh K do mai mối và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là B) huyện M, được cấp giấy chứng nhận ngày 18/08/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng ra riêng sống tại ấp T, xã T, huyện M,

tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống thường xuyên mâu thuẫn, không có hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả các đề kinh tế gia đình, con cái, làm ăn, vợ chồng không tin tưởng nhau…khoảng năm 2022 anh K xỉn có dùng dao hâm dọa chị nên chị cảm thấy không thể sống chung với anh K nữa.

Vợ chồng ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành và nhận thấy vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, cả hai không thể sống hòa hợp được, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh K.

Về con chung: có 02 con chung cháu Trần Minh Q, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Trần Minh Lâm s ngày 22/6/2016, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay nghề nghiệp của chị là huấn luyện viên dinh dưỡng, làm spa, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng đủ khả năng nuôi hai con, không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: nợ Ngân hàng Đ chi nhánh M số tiền khoảng 2.400.000.000 đồng. Đã trả xong cho khoản nợ cho Ngân hàng vào ngày 05/5/2023. Ngoài ra, không còn nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo nội dung biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Trần Quốc K trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng. Anh cũng thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng cũng thường xuyên cãi vả, mâu thuẫn do bất đồng quan điểm như chị T trình bày, anh có áp lực do mần ăn thua lỗ, chị T đi chơi với bạn bè dẫn đến anh nghi ngờ chị T nên vợ chồng thường xuyên cãi vả nhưng sau khi cãi nhau thì vợ chồng vẫn bình thường. Anh có một lần dùng dao dọa chị T nhưng không có làm tổn thương chị. Mặc dù giữa vợ chồng có mâu thuẫn với nhau nhưng những mâu thuẫn này không đến mức phải ly hôn, anh còn thương vợ con, muốn con có đủ ba, mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Về con chung: có 02 con chung cháu Trần Minh Q, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Trần Minh Lâm s ngày 22/6/2016 do không đồng ý ly hôn nên vẫn muốn con sống với ba, mẹ. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nghề nghiệp của anh là buôn bán thức ăn chăn nuôi, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng đảm bảo việc nuôi con nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: có nợ Ngân hàng Đ chi nhánh M số tiền khoảng 2.400.000.000 đồng. Đã trả xong cho khoản nợ cho Ngân hàng vào ngày 05/5/2023. Ngoài ra, không còn nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Anh K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh K.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh K, anh K không đồng ý ly hôn, mong muốn đoàn tụ, anh thừa nhận những mâu thuẫn chị T trình bày là có thật nhưng hiện nay anh không có hướng khắc phục và chị T cũng kiên quyết ly hôn, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Con chung: có 02 con chung cháu Trần Minh Q, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Trần Minh Lâm s ngày 22/6/2016 , khi ly hôn chị T và anh K đều có nguyện vọng nuôi hai con chung. Tại biên bản lấy ý kiến con thì cháu Q có nguyện vọng sống với mẹ. Đồng thời, hiện nay hai con còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn do đó cần giao hai con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu K cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Anh, chị trình bày có nợ Ngân hàng Đ chi nhánh M số tiền khoảng 2.400.000.000 đồng, nhưng hiện nay đã trả tất khoản nợ này và Ngân hành đã có văn bản xác nhận chị T, anh K đã trả tất nợ nên đề nghị không xem xét giải quyết. Ngoài ra, anh chị không còn khoản nợ nào khác, đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của chị Lê Thị T Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn anh Trần Quốc K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2]. Về nội dung:

2.1. Về hôn nhân:

Hôn nhân của chị Lê Thị T và anh Trần Quốc K là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là B), huyện M, tỉnh Bến Tre, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Chị T yêu cầu được ly hôn với anh K. Chị cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vả các đề kinh tế gia đình, con cái, làm ăn, vợ chồng không tin tưởng nhau…khoảng năm 2022 anh K xỉn có dùng dao hâm dọa chị nên chị cảm thấy không thể sống chung với anh K nữa. Khoảng cuối năm 2021 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân vợ chồng có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Anh K cũng thừa nhận các mâu thuẫn vợ chồng mà chị T trình bày là có thật, anh có dùng dao dọa chị một lần nhưng không gây tổn thương gì cho chị. Theo anh những mâu thuẫn này là nhỏ nhặt không đến mức phải ly hôn, hiện nay anh còn thương vợ, con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Khi thực hiện xác minh với chính quyền địa phương tại nơi chị T, anh K sinh sống thì địa phương cho biết thông tin: Hôn nhân của chị T, anh K có tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, sau khi đám cưới thì vợ chồng về chung sống tại ấp T, T cho đến nay. Lúc đầu, vợ chồng chị T làm thuê cho bà Ngô Thị T1 nay vợ chồng đã tự kinh doanh và mua nhà riêng. Trong thời gian chung sống vợ chồng chị T, anh K có 2 con chung. Anh K trực tiếp ở nhà với 02 con, chị T do làm ăn ở Thành phố B và T nên đi đi về về giữa hai nơi. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T, anh K thì địa phương không rõ, trước giờ anh chị không có yêu cầu địa phương hòa giải tranh chấp.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh K là có thật, vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau về vấn đề kinh tế gia đình, con cái, làm ăn, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh K có dùng dao hâm dọa chị T làm cho mâu thuẫn này càng trầm trọng. Giữa vợ chồng không còn sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng, tin tưởng lẫn nhau. Trong thời gian ly thân vợ chồng anh chị đã có thời gian dài để hàn gắn tính cảm với nhau nhưng không có kết quả. Tòa án đã tổ chức hòa giải cho anh chị nhưng vẫn không thành. Mặc dù anh K có thiện chí đoàn tụ nhưng anh không đưa ra được hướng khắc phục những mâu thuẫn của vợ chồng và chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Như vậy, thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh K là đúng theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng chị T, anh K có 02 con chung cháu Trần Minh Q, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Trần Minh Lâm s ngày 22/6/2016, khi ly hôn chị T và anh K đều có nguyện vọng nuôi hai con chung. Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên cháu Q trình bày nếu ba, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống với mẹ. Thấy rằng, cả hai con hiện nay vẫn sống chung với chị T có môi

trường sống ổn định, hai con còn nhỏ cần sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương, gần gũi của mẹ nhiều hơn. Như vậy, để đảm bảo môi trường sống và sự phát triển ổn định của con chung thì cần giao cháu Q và cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3 Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T, anh K trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

2.4. Về nợ chung của vợ chồng: Tại biên bàn hòa giải chị T, anh K khai có nợ Ngân hàng Đ chi nhánh M số tiền khoảng 2.400.000.000 đồng, nhưng hiện nay đã trả tất khoản nợ này. Ngân hàng đã có văn bản xác nhận chị T, anh K đã trả tất khoản nợ trên nên không xem xét giải quyết. Ngoài ra, anh chị không còn khoản nợ nào khác nên không xem xét giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000 đồng, chị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị T.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc K.

2. Về con chung: có 02 con chung cháu Trần Minh Q, sinh ngày 27/12/2012 và cháu Trần Minh Lâm s ngày 22/6/2016. Khi ly hôn giao cháu Q và cháu L cho chị Lê Thị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Lê Thị T không yêu cầu anh Trần Quốc K cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; trên cở sở lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Lê Thị T và anh Trần Quốc K trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Lê Thị T và anh Trần Quốc K trình bày không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị T phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004610 ngày 20 tháng 03 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan ĐKKH;
- Lưu (Hs,Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Ngọc Yến